

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC HUẾ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẠI DỊCH COVID-19

Châu Lê Xuân Thi¹, Trần Hồng Hiếu¹, Tôn Nữ Hải Âu¹

Ngày nhận bài: 16/02/2023

Ngày nhận bản sửa: 15/03/2023

Ngày duyệt đăng: 29/03/2023

Tóm tắt: Nghiên cứu xác định các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên trong giai đoạn Covid-19 bằng mô hình hồi quy thứ bậc với bộ dữ liệu khảo sát từ 1.118 sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế trong năm học 2021-2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy ba trong bốn nhóm nhân tố có ảnh hưởng đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên trong giai đoạn Covid-19 gồm: đặc điểm người học; năng lực và ý thức của sinh viên; và năng lực giảng dạy của giảng viên. Ngược lại với dự đoán, yếu tố môi trường học tập trực tuyến lại không ảnh hưởng gì đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên. Những kết quả của nghiên cứu này sẽ cung cấp cho ban quản lý trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, đội ngũ giảng viên và sinh viên có thêm những thông tin hữu ích để có thể nâng cao kết quả học tập trực tuyến cho sinh viên.

Từ khóa: Yếu tố ảnh hưởng; Kết quả học tập; Trực tuyến; Covid-19.

1. Đặt vấn đề

Giai đoạn 2020-2021 được xem là cao điểm của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung. Nhiều biện pháp giãn cách xã hội đã liên tục được áp dụng gây ảnh hưởng đến nhiều hoạt động kinh tế xã hội trong và ngoài nước. Giáo dục đại học tại Việt Nam là một trong những hoạt động đã phải đối mặt với những thách thức lớn trong khoảng thời gian này. Kế hoạch năm học đã bị đứt đoạn buộc các trường đại học phải thực hiện điều chỉnh đối với cả chương trình và nội dung dạy và học. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến việc tổ chức giảng dạy mà còn ảnh hưởng tới quá trình học tập của sinh viên.

Trường Đại học Kinh tế là một trong 9 đơn vị thành viên của Đại học Huế với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao về lĩnh vực kinh tế và quản lý để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền Trung và cả nước. Khác với các trường đại học yêu cầu tính thực hành cao như Y Dược, Nông Lâm,... trường Đại

¹ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, email: clxthi@hce.edu.vn

học Kinh tế, Đại học Huế có tiềm năng lớn để phát triển về giảng dạy trực tuyến. Tuy nhiên, trước tình huống chung của đại dịch, trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế cũng ở trong thế bị động. Hoạt động dạy và học của trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế cũng chịu nhiều ảnh hưởng. Vì vậy, để có các giải pháp phòng ngừa và xử lý phù hợp, đặc biệt để có các biện pháp nhằm cải thiện, nâng cao hiệu quả học tập và giảng dạy khi có những sự cố tương tự xảy ra thì việc tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập (KQHT) trong giai đoạn đại dịch là rất cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Hoạt động học tập trực tuyến

Theo Moore & cộng sự (2011) học trực tuyến là việc sử dụng mạng Internet với khả năng tiếp cận, kết nối, linh hoạt và khả năng đưa ra nhiều loại hình tương tác học tập khác nhau. Holmes & Gardner (2006) xác định học trực tuyến cung cấp cho chúng ta quyền truy cập vào các tài nguyên thúc đẩy việc học ở mọi nơi và mọi lúc. Định nghĩa về học tập trực tuyến có thể khác nhau nhưng đều xoay quanh các vấn đề cơ bản là học tập, công nghệ và kết nối.

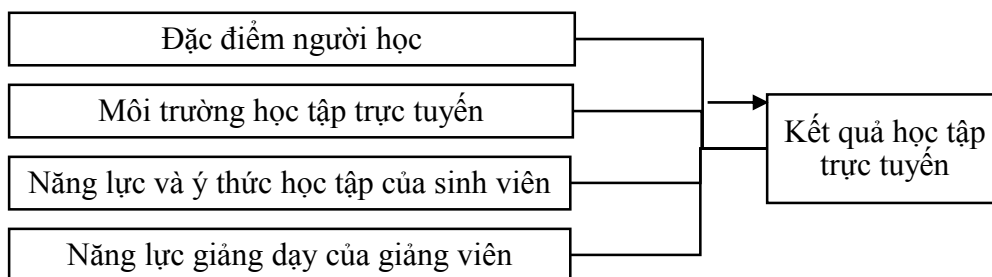
2.2. Kết quả học tập và kết quả học tập trực tuyến

Có nhiều nghiên cứu về KQHT, mỗi nghiên cứu đều đưa ra định nghĩa và cách thức khác nhau để đánh giá KQHT. KQHT của sinh viên phản ánh quá trình học tập, rèn luyện của sinh viên trên giảng đường đại học (Nguyễn Thị Thu An & cộng sự, 2016). Theo quan điểm của Nguyễn Đức Chính (2000), kết quả học tập là mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng hay nhận thức của người học trong một lĩnh vực nào đó. Những quan niệm này tuy cách diễn đạt khác nhau nhưng nội dung đều thể hiện kết quả học tập là gồm các kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học có được trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường.

Theo Moore & cộng sự (2011) học trực tuyến là học sử dụng mạng internet với khả năng tiếp cận, kết nối, linh hoạt và đưa ra nhiều loại hình tương tác học tập khác nhau. Holmes & Gardner (2006) xác định học trực tuyến cung cấp cho chúng ta quyền truy cập vào các tài nguyên thúc đẩy việc học ở mọi nơi và mọi lúc. Định nghĩa về học tập trực tuyến có thể khác nhau nhưng đều xoay quanh các vấn đề cơ bản là học tập, công nghệ và kết nối. Như vậy, khái niệm kết quả học tập trực tuyến chính là kết quả học tập gắn với việc học và thi trực tuyến của sinh viên. Cụ thể, kết quả học tập trực tuyến được thể hiện qua kiến thức, kỹ năng, năng lực, thái độ mà sinh viên có được trong quá trình học tập dựa trên một hệ thống có kết nối mạng internet cho phép giáo viên và sinh viên giao tiếp, tương tác và trao đổi tài liệu với nhau mà không cần gặp mặt trực tiếp.

2.3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên kết quả của những nghiên cứu có liên quan trước đây, mô hình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế trong giai đoạn đại dịch Covid-19 được đề xuất như sau.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

(Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả)

$$KQHTTT = KQHTTT (D, M, S, G)$$

Trong đó: KQHTTT là biến phụ thuộc thể hiện kết quả học tập trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế trong giai đoạn đại dịch Covid-19. Các biến độc lập D, M, S, G lần lượt phản ánh các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến kết quả học tập trực tuyến, cụ thể là đặc điểm của người học, môi trường học tập trực tuyến, năng lực và ý thức học tập của sinh viên, năng lực giảng dạy của giảng viên.

Về *đặc điểm người học (D)*, Đặng Thị Ty & Hồ Mai Vy (2020) cho rằng đặc điểm cá nhân của mỗi người học khác nhau thì kết quả học tập cũng khác nhau. Vì vậy, nghiên cứu này cũng xem xét sự ảnh hưởng một số đặc điểm của người học như khóa học, ngành học, tình trạng tham gia ban quản lý lớp học đến kết quả học tập trực tuyến trong giai đoạn đại dịch (Bảng 1).

Về *môi trường học tập trực tuyến (M)*, theo Nguyễn Thị Nga (2012) môi trường học tập là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học. Như vậy, cơ sở vật chất, môi trường học, tiếng ồn, đường truyền có thể sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập. Vì thế, nghiên cứu này xem xét yếu tố nơi ở, địa điểm khi học trực tuyến và thiết bị sử dụng để học trực tuyến như những biến đại diện cho yếu tố môi trường học tập và phân tích sự ảnh hưởng của nó đến kết quả học tập của sinh viên (Bảng 1).

Năng lực và ý thức học tập của sinh viên (S) có vai trò quan trọng đối với kết quả học tập trực tuyến. Sinh viên đạt kết quả cao hay thấp không chỉ phụ thuộc vào năng lực mà còn phụ thuộc vào tính tự giác và chủ động tìm hiểu, nghiên cứu và dành thời gian cho việc học (Bratii & Staffolani, 2002). Bên cạnh đó, Nguyễn Duy Thục (2021) đã chỉ ra rằng ý thức học tập như sự kiên định trong học tập và phương pháp học có mối tương

quan cùng chiều với kết quả học tập. Vì vậy, nghiên cứu này đã xem xét sự ảnh hưởng của nhóm yếu tố này đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên (Bảng 1).

Về *năng lực giảng dạy của giảng viên (S)*, năng lực giảng dạy của giảng viên cũng được xem là nhân tố rất quan trọng và không thể thiếu khi đánh giá đến sự ảnh hưởng kết quả học tập trực tuyến. Trong giai đoạn đại dịch Covid-19, việc tương tác trực tiếp giữa sinh viên và giảng viên rất hạn chế có thể gây ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu của sinh viên. Theo Nguyễn Thu An & cộng sự (2016), chất lượng bài giảng và phương pháp dạy có quyết định rất nhiều đến quá trình cũng như kết quả học tập của sinh viên. Vì vậy, nghiên cứu này đã xem xét sự ảnh hưởng một số yếu tố liên quan đến phương pháp giảng dạy đến kết quả học tập trực tuyến (Bảng 1).

Bảng 1. Các thang đo nghiên cứu

Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn
Đặc điểm người học		
D1	Khoá học	Đặng Thi Ty & Hồ Mai Vy (2020)
D2	Ngành học của sinh viên	
D3	Là ban cán sự lớp	
Môi trường học tập trực tuyến		
M1	Chỗ ở khi học trực tuyến	Nguyễn Thị Nga (2013)
M2	Địa điểm khi học trực tuyến	
M3	Thiết bị sử dụng khi học trực tuyến	
Năng lực và ý thức học tập của sinh viên		
S1	Thời gian tự học (không sử dụng Internet)	Bratii & Staffolani (2002), Thục (2021)
S2	Thời gian sử dụng Internet để học	
S3	Tìm đọc thêm tài liệu tham khảo	
S4	Ghi chép bài đầy đủ theo cách hiểu của mình	
S5	Tham gia phát biểu khi học trực tuyến	
S6	Trao đổi với giảng viên sau giờ học khi chưa hiểu bài	
S7	Động cơ học tập là để được nhận học bổng	
Năng lực giảng dạy của giảng viên		
G1	Giảng viên luôn đặt câu hỏi trong quá trình dạy	Nguyễn Thu An & cộng sự (2016)
G2	Giảng viên tạo nhóm cho sinh viên thảo luận trong lớp học trực tuyến	
G3	Giảng viên thiết kế slide đẹp	

2.5. Phương pháp nghiên cứu

Để phục vụ cho quá trình nghiên cứu, tùy theo từng giai đoạn, đề tài sử dụng cả hai nguồn dữ liệu thứ cấp và sơ cấp.

Phương pháp thu thập số liệu

- Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ nhiều nguồn, gồm: Các tạp chí khoa học chuyên ngành, các giáo trình tham khảo, các website về kết quả học tập của sinh viên

trong bối cảnh dịch Covid-19. Ngoài ra nghiên cứu còn kế thừa hợp lý các kết quả của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về lĩnh vực có liên quan đến đề tài.

- Thông tin dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua 2 giai đoạn, điều tra định tính và điều tra định lượng

+ Điều tra định tính: Nghiên cứu hướng đến việc điều tra phỏng vấn định tính đối với các chuyên gia trong việc đánh giá kết quả học tập sinh viên trong bối cảnh dịch Covid-19. Qua đó tiến hành nghiên cứu, khám phá và điều chỉnh để xây dựng, thiết kế một bảng hỏi hoàn chỉnh để đi điều tra.

+ Điều tra định lượng: Nghiên cứu khảo sát online sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế từ năm 1 đến năm 4 một cách ngẫu nhiên bằng Google Forms (biểu mẫu trực tuyến). Phiếu khảo sát sau khi được điều tra thử và chỉnh sửa đã được chia sẻ đến các bạn sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế thông qua các trang mạng xã hội như facebook, zalo, messenger.... từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2022 về kết quả học tập của năm học học kì I năm 2021-2022.

+ Phương pháp chọn mẫu:

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Về lý thuyết, cỡ mẫu có thể được xác định dựa theo nghiên cứu của Husain & Syed (2012)

$$n = \frac{1.96^2 N p(1-p)}{\alpha^2 (N-1) + 1.96^2 p(1-p)}$$

Trong đó: N là tổng thể, n: cỡ mẫu, α : sai số (5%), p: xác suất xảy ra một sự kiện (trong nghiên cứu xã hội thì chọn $p=0,5$). Với tổng số sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế năm học 2021-2022 được thống kê 9.092 sinh viên, dựa vào công thức trên thì mẫu cần phải khảo sát là 649 sinh viên. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát, đã có 1.188 sinh viên tham gia trả lời, gần gấp đôi so với quy mô mẫu cần thiết. Dựa trên số liệu thu thập được, nghiên cứu tiếp tục phân tích kết quả học tập dựa trên cơ cấu sinh viên tham gia phỏng vấn về khóa học, giới tính, chuyên ngành... Đây cũng chính là một trong những hạn chế có thể làm giảm khả năng suy rộng của nghiên cứu này.

Phương pháp xử lý số liệu

- Phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh được sử dụng để mô tả và phân tích những thông tin chung của sinh viên và những đặc điểm có liên quan đến quá trình học tập và thi cử trực tuyến của người học.

- Mô hình hồi quy logit thứ bậc (Ordered Logistic Regression) được sử dụng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập trực tuyến trong học kỳ 1 năm học 2021-2022 của sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Mô hình này được lựa chọn sử dụng bởi sự phù hợp của biến phụ thuộc và

khả năng khắc phục những nhược điểm so với các mô hình hồi quy thông thường khác. Biến phụ thuộc trong nghiên cứu này là kết quả học tập của sinh viên dù ở thang điểm 10 hay thang điểm 4 đều bị giới hạn bởi điểm cận trên (là 10 đối với thang điểm 10 và 4 đối với thang điểm 4) và cận dưới (0). Điều này có thể dẫn đến hiện tượng sai lệch trong kết quả phân tích nếu sử dụng các mô hình hồi quy tuyến tính thông thường khác trong khi hồi quy thứ bậc có thể giúp khắc phục được những nhược điểm này. Hơn nữa, kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế hiện nay đã có quy đổi sang thang điểm từ A đến F, hoàn toàn phù hợp với mô hình hồi quy thứ bậc.

Mô hình hồi quy có biến phụ thuộc Y với thang đo thứ bậc, biến này được phân loại có thứ tự từ $j = 1, 2, 3, \dots, J$ và X được ký hiệu là vector p chiều của biến độc lập. Giả sử $\pi_j = \Pr(Y = j)$ là kết quả xác suất của phân loại j . Do đó hàm xác suất tích lũy của Y có thể được biểu diễn như sau:

$$\Pr(Y \leq j) = \pi_1 + \pi_2 + \dots + \pi_j, j = 1 \rightarrow J$$

Lấy logarit của hàm xác suất tích lũy (gọi là logit)

$$\text{logit}[\Pr(Y \leq j)] = \log[\Pr(Y \leq j) / (1 - \Pr(Y \leq j))] = \alpha_j + \beta X, j = 1, 2, \dots, J-1$$

Trong đó:

- + α_j là hệ số chặn (hay còn gọi là điểm cắt) thỏa điều kiện $\alpha_1 \leq \alpha_2 \leq \dots \leq \alpha_{J-1}$
- + β véc tơ hệ số của biến độc lập, hệ số này mô tả tác động của biến độc lập đến tỷ số khả dĩ của phân loại j hoặc phân loại nhỏ hơn j .
- + Biến phụ thuộc Y (kết quả học tập trực tuyến) với thang đo thứ bậc như sau

Bảng 2. Phân loại điểm theo thang đo điểm 4

TT	Điểm theo thang điểm 4	Thang điểm chữ	Phân loại	Code biến trong mô hình
1	Từ 0 đến cận 1,0	F	Kém	1
2	Từ 1,0 đến cận 2,0	E	Yếu	2
3	Từ 2,0 đến cận 2,5	D	Trung bình	3
4	Từ 2,5 đến cận 3,2	C	Khá	4
5	Từ 3,2 đến cận 3,6	B	Giỏi	5
6	Từ 3,6 đến cận 4,0	A	Xuất sắc	6

+ Biến độc lập: 4 nhóm biến độc lập gồm môi trường học tập trực tuyến, năng lực và ý thức học tập của sinh viên, người học và năng lực giảng dạy của giảng viên.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đặc điểm mẫu điều tra

Trong tổng số 1.118 phiếu khảo sát, số sinh viên nữ nhiều hơn gấp 3 lần sinh viên nam (chiếm lần lượt là 79% và 21% trong tổng phiếu khảo sát). Về tình trạng khóa học,

số sinh viên năm thứ nhất chiếm tỉ trọng cao nhất với 67,8% trong tổng số (tương ứng với 758 sinh viên), trong khi sinh viên năm thứ 4 chiếm tỷ trọng thấp nhất với 1 % (11 sinh viên) trong tổng số phiếu khảo sát.

Bảng 3. Một số thông tin cơ bản của đối tượng điều tra

STT	Đặc điểm	Số lượng (sinh viên)	Cơ cấu (%)
1	Giới tính	1.118	
	Nữ	883	79,0
	Nam	235	21,0
2	Khóa học	1.118	
	Năm thứ 1	758	67,8
	Năm thứ 2	213	19,1
	Năm thứ 3	136	12,1
	Năm thứ 4	11	1,0
3	Ngành học	1.118	
	Kế toán	265	23,7
	Quản trị nhân lực	31	2,8
	Hệ thống thông tin quản lý	13	1,2
	Marketing	88	7,9
	Kinh tế	99	8,9
	Thông kê kinh doanh	4	0,4
	Kiểm toán	27	2,4
	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	95	8,5
	Thương mại điện tử	120	10,7
	CTĐT Chất lượng cao - Ngành Quản trị kinh doanh	4	0,4
	Kinh tế quốc tế	44	3,9
	Quản trị kinh doanh	143	12,8
	Kinh doanh thương mại	50	4,5
	Tài chính - Ngân hàng	107	9,6
	Kinh tế chính trị	5	0,4
	Ngành khác	23	2,1
4	Kết quả học tập trực tuyến	1.118	
	Kém (loại F)	0	0,0
	Yếu (loại E)	5	0,4
	Trung bình (loại D)	47	4,2
	Khá (loại C)	471	42,1
	Giỏi (loại B)	393	35,2
	Xuất sắc (loại A)	202	18,1

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả, 2022

Liên quan đến ngành học, Bảng 3 thể hiện rõ sinh viên ngành kế toán, thương mại điện tử, quản trị kinh doanh chiếm tỉ trọng cao trong việc trả lời khảo sát. Đối với kết

quả học tập trực tuyến, hầu như những sinh viên trả lời khảo sát có kết quả “Khá” và “Giỏi” (“Khá” gồm 471 sinh viên chiếm 42,1% và “Giỏi” gồm 393 sinh viên chiếm 35,1). Tiếp theo đó là sinh viên với xếp loại “Xuất sắc” chiếm 18,1%, đối với những bạn có kết quả học tập trực tuyến “Trung bình” và “Yếu” thì chỉ chiếm tỉ trọng rất nhỏ và không có bạn nào bị “Kém”.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập

Để xem xét sự ảnh hưởng của các nhóm biến liên quan đến đặc điểm của người học, môi trường học tập, năng lực và ý thức của người học, và năng lực giảng dạy của giáo viên đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên, nghiên cứu này đã thực hiện kiểm định đa cộng tuyến giữa các biến độc lập bằng kiểm định Spearman và giả thuyết hệ số góc của các đường hồi quy ở mỗi thứ bậc là bằng nhau trước khi đưa các biến vào phân tích bằng mô hình hồi quy thứ bậc. Kết quả kiểm định cho thấy dữ liệu không vi phạm các giả thuyết trên và việc sử dụng mô hình hồi quy thứ bậc với các biến dự định đưa vào mô hình là hoàn toàn phù hợp. Hơn nữa, các thông tin về Chi-square và Sig ở Phụ Lục cho thấy mô hình đưa vào là phù hợp. Kết quả ước lượng hệ số mô hình hồi quy được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Kết quả ước lượng hệ số mô hình hồi quy thứ bậc

		Hệ số mô hình	Tỷ số Odds
Hệ số chặn	KQHT loại E	-5,248***	0,005***
	KQHT loại D	-2,812***	0,060***
	KQHT loại C	0,430	1,538
	KQHT loại B	2,344***	10,418***
Đặc điểm người học	Khóa học	-0,372***	0,690***
	Ngành học		
	- Ngành Kinh tế	-0,684	0,505
	- Ngành Kinh tế quốc tế	-0,439	0,645
	- Ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung	-0,310	0,733
	- Ngành Tài chính - Ngân hàng	-0,190	0,827
	- Ngành Kế toán	-0,353	0,703
	- Ngành Kiểm toán	-0,044	0,957
	- Ngành Quản trị kinh doanh	-0,046	0,955
	- Ngành Quản trị nguồn nhân lực	-0,474	0,622
	- Ngành Kinh doanh thương mại	-0,717	0,488
	- Ngành Thương mại điện tử	0,167	1,182
	- Ngành Marketing	-0,113	0,893
	- Ngành Thống kê kinh tế	-0,733	0,480
	- Ngành hệ thống thông tin quản lý	-1,178*	0,308*
	- Ngành Kinh tế chính trị	-0,412	0,662

	- Ngành Kinh tế nông nghiệp	0,234	1,264
	- Ngành khác	0 ^a	1
	Là ban cán sự lớp	0,336**	1,400**
Môi trường học tập trực tuyến	Chỗ ở khi học trực tuyến		
	- Chỗ ở là ở trọ	0,251	1,286
	- Chỗ ở là ở cùng gia đình	0,235	1,265
	- Chỗ ở là ở với họ hàng	0,793	2,210
	- Chỗ ở khác	0 ^a	1
	Địa điểm khi học trực tuyến		
	- Chỗ học là ở nhà hoặc ở trọ	-0,279	0,757
	- Chỗ học là quán cà phê	-1,273	0,280
	- Chỗ học là nhà bạn	-0,465	0,628
	- Chỗ học khác	0 ^a	1
	Thiết bị học trực tuyến		
	- Thiết bị học là điện thoại	-0,018	0,982
	- Thiết bị học là laptop	-0,159	0,853
	- Thiết bị học là máy tính bàn	-1,189	0,304
	- Thiết bị học khác	0 ^a	1
Năng lực và ý thức học tập sinh viên	Thời gian tự học không dùng internet	-0,039	0,961
	Thời gian sử dụng internet để học	0,048*	1,049*
	Tìm đọc thêm tài liệu tham khảo	-0,079	0,924
	Ghi chép bài đầy đủ theo cách hiểu của mình	0,236*	1,266*
	Tham gia phát biểu khi học trực tuyến	0,806***	2,239***
	Trao đổi với giảng viên sau giờ học khi chưa hiểu bài	0,180	1,197
	Động cơ học tập		
	- Động cơ học tập là để được nhận học bổng	1,001***	2,721***
	- Động cơ học tập là để được bằng cao	0,437***	1,548***
	- Động cơ khác	0,602**	1,826**
Năng lực giảng dạy của giảng viên	Giáo viên đặt câu hỏi trong quá trình dạy	0,239*	1,270*
	Giáo viên chia nhóm thảo luận	-0,381***	0,683***
	Giáo viên thiết kế slide đẹp mắt	0,276**	1,318**
Độ phù hợp của mô hình		Chi-square	Sig
		238,509	0,000

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS, 2022

Về đặc điểm người học: Kết quả phân tích ở Bảng 4 cho thấy hầu hết các đặc điểm của người học đều có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên mặc dù không phải ngành học nào cũng có ý nghĩa thống kê. Hệ số mô hình (-0,372) và tỷ số odd (0,690) của biến khóa học cho thấy sinh viên của các khóa trước thường có kết quả học tập thấp hơn các khóa sau. Sinh viên nào làm ban cán sự lớp thường có kết quả học tập cao hơn so với các bạn khác. Hệ số mô hình và tỷ số odd của biến ngành học cho thấy hầu như biến này không ảnh hưởng đến kết quả học

tập của sinh viên. Duy chỉ có biến ngành hệ thống thông tin quản lý có ý nghĩa thống kê, điều này cho thấy sinh viên theo học chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý thường có kết quả học tập thấp hơn so với các chuyên ngành khác.

Về năng lực và ý thức học tập của sinh viên: Hệ số mô hình và tỷ số odd của nhóm biến năng lực và ý thức học tập của sinh viên cho thấy ngoại trừ biến thời gian tự học, việc tìm đọc thêm tài liệu tham khảo, và trao đổi bài với giáo viên sau giờ học, hầu hết các biến đều có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến kết quả học tập của sinh viên. Cụ thể, sinh viên có ghi chép bài đầy đủ và tham gia phát biểu xây dựng bài thường có kết quả học tập cao hơn các bạn khác. Thời gian sử dụng internet để phục vụ học tập càng nhiều thì kết quả học tập càng cao. Đặc biệt, những sinh viên có động cơ học tập rõ ràng như phấn đấu để nhận được học bổng, cố gắng học để có được bằng cấp cao, hoặc hướng đến mục tiêu phấn đấu riêng khác đều có kết quả học tập cao hơn các bạn khác.

Về năng lực giảng dạy giảng viên: Kết quả phân tích ở Bảng 4 còn cho thấy nhóm biến thể hiện năng lực giảng dạy của giáo viên cũng có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến kết quả học tập của sinh viên. Những sinh viên nào học trực tuyến những lớp được giảng viên đầu tư vào slide bài giảng đẹp mắt và thu hút sự hứng thú học tập của sinh viên thì xác suất kết quả học tập trực tuyến của nhóm sinh viên này thường thuộc khu vực có kết quả học tập khá cao và cao. Với sự ảnh hưởng của nhân tố thiết kế slide này, có thể thấy trong giai đoạn học trực tuyến giảng viên nên đầu tư về mặt hình thức slide trình bày vì đây là một cách để sinh viên có hứng thú và có động lực nghe giảng trong quá trình học trực tuyến khi mà sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên bị hạn chế trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, việc đặt câu hỏi trong quá trình dạy học cũng có tác động tích cực đến kết quả học tập của sinh viên. Sở dĩ như vậy là vì, giảng dạy trực tuyến là hình thức gặp nhiều khó khăn trong việc giao tiếp và quản lý lớp học. Việc giáo viên thường xuyên đặt câu hỏi và yêu cầu sinh viên trả lời, không những giúp giáo viên quản lý sự tham gia lớp học của học viên mà còn tạo hứng thú, yêu cầu người học phải thường xuyên trong trạng thái tỉnh, động não, suy nghĩ và từ đó kết quả học cao hơn. Ngược lại, đối với biến quan sát giảng viên tạo nhóm cho sinh viên thảo luận trong lớp thì những nhóm sinh viên tham gia những học phần này lại có xác suất thường rơi vào khu vực có kết quả học tập thấp hơn những nhóm khác. Điều này chứng tỏ phương pháp này có thể rất hiệu quả trong quá trình dạy trực tiếp tuy nhiên lại không hiệu quả trong việc dạy học trực tuyến và ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên. Có thể giải thích giảng viên khi áp dụng phương pháp này chưa thật sự đúng cách, tạo nhóm cho sinh viên thảo luận nhưng không nắm bắt và theo dõi sát sao kết quả thảo

luận hoặc quá làm dụng phương pháp này nên tốn nhiều thời gian trong việc dạy học.

Về môi trường học tập trực tuyến: thông thường khi đại dịch Covid-19 xảy ra, để đảm bảo an toàn sức khỏe cho sinh viên lẫn giảng viên thì tất cả các trường đại học sẽ áp dụng hình thức học trực tuyến và điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình học tập cũng như kết quả học tập của sinh viên (Seble & cộng sự, 2020). Sinh viên sẽ gặp những khó khăn như không có đủ cơ sở vật chất để học trực tuyến, môi trường học tập thay đổi và không được đảm bảo cho quá trình học. Vì vậy, nghiên cứu này dự đoán nhóm biến môi trường học tập sẽ có ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập của sinh viên. Tuy nhiên, kết quả phân tích lại hoàn toàn ngược lại, đối với những sinh viên được khảo sát tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế thì những biến quan sát như chỗ ở, chỗ học và thiết bị để học lại không phải là những nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến kết quả học tập trực tuyến (Bảng 5). Điều này chứng tỏ cho đến thời điểm nghiên cứu, tình trạng cơ sở vật chất và thiết bị để học trực tuyến không phải là rào cản đối với sinh viên được khảo sát.

4. Kết luận

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu kết quả học tập trực tuyến của sinh viên Đại học Kinh tế, Đại học Huế trong đại dịch Covid-19 đã cho thấy được một số nhân tố thuộc đặc điểm người học, năng lực và ý thức học tập của sinh viên, năng lực giảng dạy của giảng viên đã ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên khi phương pháp học thay đổi. Ngược lại nhóm nhân tố về môi trường học tập trực tuyến được dự đoán là sẽ có ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập của sinh viên nhưng kết quả lại cho thấy các biến thuộc nhóm nhân tố này không ảnh hưởng gì đến kết quả học tập sinh viên.

Để sinh viên có thể đạt được kết quả học tập trực tuyến tốt hơn thì cần thực hiện một số giải pháp như sau: (1) Nhà trường nên tìm ra những nguyên nhân vì sao kết quả học tập sinh viên những khoá trước lại thấp hơn sinh viên những sau để hỗ trợ giúp những nhóm sinh viên này đạt kết quả cao hơn. Đối với sinh viên ngành hệ thống thông tin quản lý thì cần phải nắm bắt sát sao tình hình học tập, tâm tư nguyện vọng của các em sinh viên trong giai đoạn này để cải thiện kết quả học tập trực tuyến của các em sinh viên. (2) Về phía sinh viên, sinh viên cần xác định được phương pháp học nào phù hợp trong giai đoạn này như là tích cực ghi chép bài đầy đủ hay tham gia phát biểu trong quá trình học cũng như làm rõ mục tiêu học tập của mình là gì thì sẽ giúp đạt kết quả học tập cao hơn. (3) Ngoài ra vai trò của giảng viên trong vấn đề nâng cao kết quả học trực tuyến cũng không kém phần quan trọng, khi sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên giảm đi trong các tiết học online thì slide đẹp mắt, hấp dẫn sẽ tạo động lực cho sinh viên học cũng như đạt kết quả cao. Bên cạnh đó giảng viên cũng nên xem lại phương thức

tạo nhóm cho sinh viên thảo luận để làm sao phù hợp và có thể đem lại hiệu quả tích cực đến cho sinh viên. Với những nhân tố tác động đến kết quả học tập trực tuyến đến sinh viên thì nhà trường, giảng viên và sinh viên nên lưu ý để có thể giúp kết quả học tập của các bạn sinh viên cao hơn.

Nghiên cứu này có thể chưa mang tính đại diện cũng như khả năng suy rộng cho toàn bộ sinh viên của trường do việc khảo sát được thực hiện một cách ngẫu nhiên. Tuy vậy, kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở giúp trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế có các biện pháp nhằm cải thiện, nâng cao hiệu quả học tập và giảng dạy cho sinh viên từ đó giảm nhẹ những tác động tiêu cực nếu có những sự cố tương tự xảy ra. Hơn nữa, với sự linh hoạt về không gian, thời gian, phù hợp hơn cho các đối tượng vừa học vừa làm, việc giảng dạy và học tập trực tuyến ngày càng trở thành một xu thế tất yếu và có khả năng được áp dụng phổ biến rộng rãi trong tương lai. Nghiên cứu này sẽ cung cấp thông tin giúp trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế phần nào có những công tác chuẩn bị cho xu thế mới này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bratti, M., & Staffolani, S. (2013), ‘Student time allocation and educational production functions’, *Annals of Economics and Statistics/Annales D'économie et de Statistique*, 103-140.
- Đặng Thị Ty, Hồ Mai Vy (2020), ‘Thực trạng kết quả học lực và các yếu tố liên quan đến học lực năm học 2017 - 2018 của sinh viên chính quy ngành Dược học Trường Đại học Duy Tân’. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân*, 03 (40), 94-103.
- Holmes B, Gardner J (2006), *E-learning: concepts and practice*, retrieved on December 25th 2023, from<<https://doi.org/10.4135/9781446212585>>
- Husain, A. & Syed, H. (2012), ‘Perception of education quality in private universities of Bangladesh: a study from students’ perspective’. *Journal of Marketing For Higher Education*, 1(22), 11-33.
- Moore, J. L., Dickson-Deane, C., & Galyen, K. (2011), ‘e-Learning, online learning, and distance learning environments: Are they the same?’, *The Internet and higher education*, 14(2), 129-135.
- Nguyễn Thị Thu An, Nguyễn Thị Ngọc Thứ, Đinh Thị Kiều Oanh và Nguyễn Văn Thành (2016), ‘Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên năm I-II Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ’, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, (46), 82-89.

Nguyễn Đức Chính (2000), ‘Tổng quan chung về đảm bảo & kiểm định chất lượng’, *Hà Nội. Tài liệu Trung tâm đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển giáo dục*. 33p (2000).

Nguyễn Thị Nga (2013), ‘Các yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên (nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Phạm Văn Đồng)’, Luận văn thạc sỹ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Quyết, Lê Thị Kim Thoa (2018), ‘Ứng dụng mô hình hồi quy logit thứ bậc’ phân tích kết quả học môn tiếng anh của sinh viên trường Đại học ngoài công lập tại thành phố Hồ Chí Minh’, *Tạp chí Giáo dục*, 444(2), 48-54.

Nguyễn Duy Thục (2021). ‘Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên trường Đại học Văn Lang’, *Tạp chí khoa học Đại học Văn Lang*, 25.

FACTORS AFFECTING ONLINE LEARNING RESULTS OF STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF ECONOMICS, HUE UNIVERSITY DURING THE COVID-19 PANDEMIC

Chau Le Xuan Thi, Tran Hong Hieu, Ton Nữ Hai Au

Abstract: The study identified factors affecting the online learning outcomes of students during the COVID-19 period by using the ordered logit regression model with survey data from 1.118 students at the University of Economics, Hue University in the 2021-2022 school year. Research results confirm three out of four groups of factors affecting online learning outcomes, namely learner characteristics, students' capacity and awareness, and the teaching capacity of lecturers. In contrast, the group of online learning environment factors does not affect students' online learning outcomes. The results of this study will provide the management board of the University of Economics, Hue University, lecturers, and students with more useful information to improve online learning results for students.

Keywords: Influencing factors; The learning result; Online learning; Covid-19 pandemic.